

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2025

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025;

Căn cứ Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025.

Căn cứ Công văn số 1301/STC-TT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2025.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2025, với nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo THPT, CLP

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh châu đã triển khai các văn bản đến các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân các xã, phường thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) tại các cuộc họp giao ban của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu và ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27/CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí... Tăng cường công tác triển khai các văn bản liên quan đến thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể để tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm

việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm. Tổ chức công khai tài chính, minh bạch trong chi tiêu, rõ ràng trong quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trên cơ sở giám sát của tổ chức chính trị, xã hội và quần chúng Nhân dân. Trong thực hiện giao quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị được giao quyền tự chủ, công tác quản lý tài chính và thực hành tiết kiệm đã có chuyển biến rõ rệt, thực hiện tốt việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể, xây dựng được định mức trong cách xác định thu nhập tăng thêm cho công chức trong đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức các cấp đảm bảo công khai, dân chủ, làm căn cứ tổ chức quản lý và thực hiện trong việc sử dụng ngân sách và tham gia giám sát của cán bộ, công chức trong việc chấp hành các định mức chi tiêu tài chính trên tinh thần tiết kiệm, đạt năng suất và hiệu quả công tác.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Căn cứ vào Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2025, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã xây dựng Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. Theo đó, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn, năm theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phụ trách và cấp địa phương. Trong quản lý điều hành ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các đơn vị sử dụng ngân sách giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo; kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn, các ngày kỷ niệm thành lập ngành theo tinh thần triệt để tiết kiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị. Các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch và triển khai đến tất cả cán bộ, công chức của các đơn vị.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và xác định rõ các nội dung phải THPTK, CLP theo quy định của Luật, từ đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Giao nhiệm vụ cho một số cơ quan quan, ban ngành theo chức năng trong việc rà soát, hoàn thiện cơ

chế quản lý, hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; Tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện thu, chi NSNN, quản lý sử dụng tài sản công.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Trong 06 tháng đầu năm 2025, Thanh tra đã triển khai 02 cuộc thanh tra. Trong đó:

- Đã triển khai và kết thúc 01 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại Ủy ban nhân dân Phường 1. Qua thanh tra kiến nghị chấn chỉnh một số nội dung còn hạn chế như việc giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường một số hồ sơ chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, một số ít hồ sơ thời gian giải quyết còn chậm; sổ Tiếp công dân, sổ Thụ lý đơn ghi chép chưa đầy đủ; chưa thanh toán đầy đủ chế độ chi hỗ trợ kinh phí tiếp công dân cho công chức phụ trách và các thành phần phối hợp tham gia tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân theo quy định; chưa thực hiện báo cáo đầy đủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định; một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ chưa phù hợp.

- Đang triển khai 01 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại Ủy ban nhân dân Phường 2.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC

Trong 06 tháng đầu năm 2025, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan có những chuyển biến khá rõ nét; các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào trọng tâm, trọng điểm cho thấy hoạt động của cơ quan và các phòng, ban, đơn vị cơ bản đã quan tâm và thực hiện công khai, minh bạch, nhất là lĩnh vực tài chính; quản lý, sử dụng tài sản, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm và kinh phí từ ngân sách Nhà nước đúng theo chế độ, định mức, tiêu chuẩn quy định; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xảy ra hành vi lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Qua quá trình triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả thiết thực ở một số lĩnh vực cụ thể như sau:

1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Các đơn vị thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với cơ quan nhà nước, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, bám sát vào các văn bản hướng dẫn tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định

chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Quyết định 551/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành hành mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và địa phương, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ công vụ cơ quan, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, nhiên liệu, hội nghị, tiếp khách, máy vi tính, máy in, máy fax,...

Phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ theo quy định.

2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Năm 2025, tiếp tục triển khai Luật ngân sách năm 2015. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu phân bổ và giao dự toán ngân sách Nhà nước đúng quy định Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách. Công tác triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn bổ sung mục tiêu đảm bảo theo đúng mục đích, nội dung của Chương trình đảm bảo theo các quy định hiện hành; đồng thời, tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo đầy đủ nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi đúng mục đích, quy định. Qua đó, đã tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025.

Ước trong 06 tháng đầu năm 2025, công tác lập, thẩm định phê duyệt, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách đã tiết kiệm số tiền 442 triệu đồng; dự toán năm 2025 đã thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, giữ lại ngân sách thị xã thực hiện cải cách tiền lương là 13.140 triệu đồng tại Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Bên cạnh đó, các cơ quan ban, ngành thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách một cách có hiệu quả để tổ chức hội nghị, hội thảo, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sửa chữa trang thiết bị làm việc, tiết kiệm chi phúc lợi tập thể, chi thu nhập tăng thêm với số tiền 3.644 triệu đồng.

3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Thực hiện Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định 551/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành hành mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các cơ quan ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, đúng định mức, chế độ quy định. Trong mua sắm luôn có kế hoạch cụ thể và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, dự toán tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ, Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 27/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg của Chính phủ. Phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được xét duyệt và khả năng bố trí vốn.

Công tác tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Thông qua công tác đấu thầu đã lựa chọn được các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực thực hiện dự án, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện, giảm chi phí đầu tư.

Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của các dự án được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Tài chính, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Trong 06 tháng đầu năm 2025 tiếp nhận 39 dự án, công trình, với tổng giá trị là 110.125 triệu đồng, đã thẩm tra phê duyệt quyết toán là 29 công trình, với tổng giá trị là 105.627 triệu đồng. Các hạng mục công trình được thẩm tra và phê duyệt quyết toán đã giảm trừ qua thẩm tra là 10 triệu đồng.

Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của các dự án được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Tài chính, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

THTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư thực hiện chặt chẽ ở các khâu đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn đầu tư. Kết quả đã tiết kiệm từ lĩnh vực này với số tiền là 7.174 triệu đồng (trong đó: thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 435 triệu đồng; đấu thầu là 6.739 triệu đồng).

Tiếp tục thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thị xã theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Trong quản lý đất đai: công tác quản lý và sử dụng đất đai theo Luật đất đai và các văn bản quy định. Công tác đo đạc, lập quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định, tiết kiệm có hiệu quả.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: tiếp tục thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2025; triển khai thực hiện đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã.

6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Trong thời gian qua, các cơ quan ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có nhiều nỗ lực triển khai và đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách về thủ tục hành chính. Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các sở, ngành và các huyện, thành, thị xã tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó tập trung hoàn thiện thể chế, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch; thực hiện chính sách tinh giản biên chế, sắp xếp bố trí sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã tích cực triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Qua đó, tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động; đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị triển khai chương trình THPT, CLP của Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã và cụ thể hóa bằng kế hoạch của đơn vị, trên cơ sở đó đã thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Những tồn tại, hạn chế

Công tác xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị chưa cụ thể, chưa gắn với nhiệm vụ tại đơn vị, địa phương mình. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số cơ quan, đơn vị tồn tại những hạn chế như sau: một số ít cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, báo cáo chưa kịp thời nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình THPT, CLP của cơ quan được giao chủ trì gặp nhiều khó khăn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí 06 tháng năm 2025 trên địa bàn thị xã trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường lệ giữa năm 2025, khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Các cơ quan Đảng, CQ, MTTQ, ĐT;
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

Nguyễn Thanh Liêm

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	1	1	1	100%	100%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	0	0	0			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		8.489	7.696	13.582			-
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	7.696	7.696	13.140	171%	171%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	-		-			
1.4	Các nội dung khác		793		442	56%		
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		5.199	-	3.657	70%		
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		324	-	13	4%		Số tiền tiết kiệm xác
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	54	-	2	4%		
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	14	-	-	0%		
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	27	-	2	7%		

-	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	2	-	-	0%		định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	6	-	-	0%		
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	57	-	3	5%		
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	64	-	2	3%		
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	66	-	2	3%		
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	34	-	2	6%		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	-	-	-			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		0				
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		0				
-	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng		0	0			
-	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	4.875	-	3.644	75%		
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	-	-			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-	-			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	-	-	-			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	-	-	-			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	-	-	-			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	-	-	-			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	-	-	-			
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						

1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng		5.977	-	7.184	120%		
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	5.977	-	7.184	120%		Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	766		435	57%		
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	5.208		6.739	129%		
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	3		10	333%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
-	Số lượng	dự án						
-	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						

[illegible]

1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
-	Tiết kiệm điện	Kw/h						
-	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
-	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
-	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
-	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
-	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
-	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
-	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
-	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						

-	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
-	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
-	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
-	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
-	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
-	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
-	Số đầu kỳ	triệu đồng						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
-	Số đầu năm	triệu đồng						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						